

NAME:.....CLASS:.....

UNIT 5: HE'S HAPPY!

LESSON 1 : WORDS

1. Find the words and circle.

hot	cold	thirsty	hungry	sad	happy
-----	------	---------	--------	-----	-------

h a p p y h u n g r y c o l d t h i r s t y s a d h o t

2. Read and circle the correct words.

1. hot / **cold** / happy



2. happy / hungry / sad



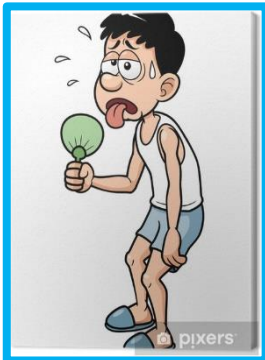
3. hungry / sad / thirsty



4. cold / hot / happy



5. hot / hungry / happy

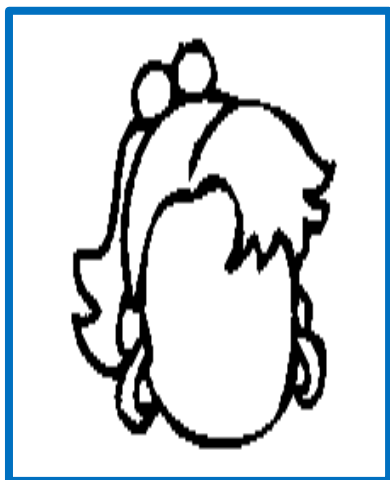


6. happy / thirsty / cold



3. Draw and color. (Vẽ và tô màu)

1.



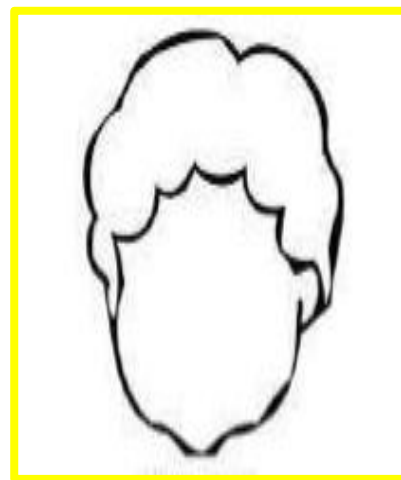
happy

2.



hot

3.



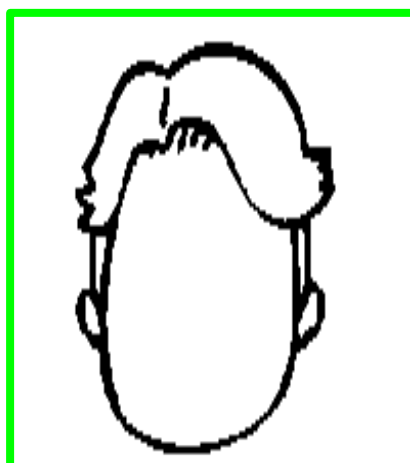
sad

5.

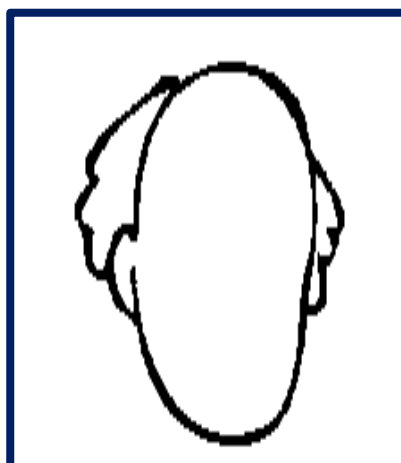


hungry

6.



thirsty



cold

4. Write the words.

hot cold thirsty hungry sad happy

1.		2.		3.	
	 hungry				
4.		5.		6.	
					

5. Unscramble the letters to make words:

pphay _ _ _ _	
dsa _ _ _	
lodc _ _ _ _	
oht _ _ _	
sityhtr _ _ _ _ _	
gnuhyr _ _ _ _ _	

COPY

Copy từ vựng , mỗi từ copy 3 dòng.

	happy	
	sad	
	hungry	
	thirsty	
	cold	
	hot	

LINK THAM KHẢO BÀI GIẢNG:

<https://www.youtube.com/watch?v=rV3fU7oe3k8>

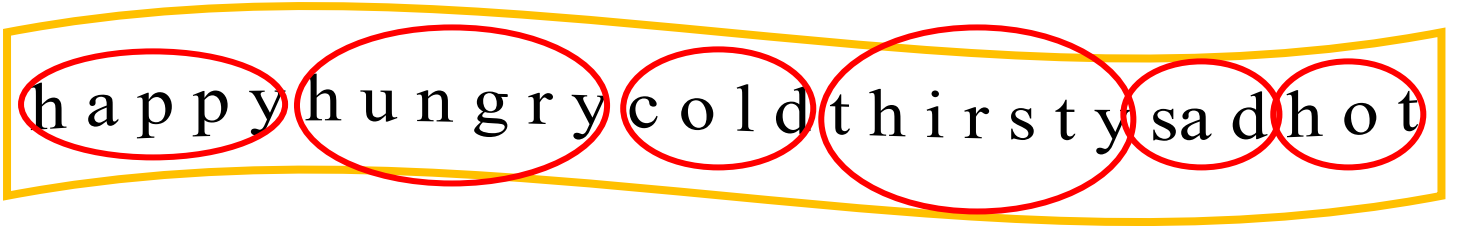
Link điểm danh HS đã nhận được bài online, PH vui lòng truy cập đường link bên dưới và ghi vào bảng để điểm danh nhé.

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/193Rr1VcdG2UsspZOTUhN0h3FU-DqBQuooc9PQ6K52e0/edit#gid=0>

PH NHẮC HS NHỚ GIỮ LẠI TẤT CẢ CÁC BÀI TẬP ONLINE CẦN THẬN CHO ĐẾN KHI ĐI HỌC LẠI NHÉ. Cảm ơn PH đã hỗ trợ GV

KEYS (ĐÁP ÁN)

1. Find the words and circle.



2. Read and circle the correct words.

1. cold 2. sad 3. hungry 4. happy 5. hot 6. thirsty

3. Draw and color. (Vẽ và tô màu)

1. Vẽ mặt vui.
2. Vẽ mặt người bị nóng.
3. Vẽ mặt buồn
4. Vẽ mặt người đang đói bụng
5. Vẽ mặt người đang khát nước
6. Vẽ mặt người đang lạnh

4. Write the words.

1. hungry 2. happy 3. sad 4. cold 5. thirsty 6. hot

5. Unscramble the letters to make words:

1. happy 2. sad 3. cold 4. hot 5. thirsty 6. hungry